

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Đoá.
- Bà Lê Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1979. CCCD số 040179031856. Nơi cư trú: K, phường Q (phường Q, thị xã H cũ), tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thanh T1, sinh năm 1981. CCCD số 040081032067. Nơi cư trú: K, phường Q, (phường Q, thị xã H cũ), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Ngày 21/02/2018, chị và anh Võ Thanh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T1 uống rượu về hay gây chuyện, chửi bới, cãi vã. Chị và anh T1 không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, hiện đang sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Vợ chồng chưa có con chung, hiện tại chị

không mang thai. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết, bị đơn anh Võ Thanh T1 trình bày: thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Theo anh vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ chị T không quan tâm đến anh, nhiều lần anh nói chị thay đổi để vợ chồng tình cảm hơn nhưng chị không nghe. Chán nản anh có uống rượu, vợ chồng cãi nhau, chị T nộp đơn xin ly hôn. Anh và chị T sống ly thân. Chị T xin ly hôn anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Kết quả xác minh tại Công an phường Q: Anh Võ Thanh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối E, phường Q, tỉnh Nghệ An, đang có mặt tại địa phương.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Q: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T, anh T1 địa phương không biết. Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị T được ly hôn anh T1. Con chung chưa có. Về tài sản không xem xét. Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn anh Võ Thanh T1 cư trú tại khối E, phường Q, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành

xét xử vắng bị đơn.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T, anh T1 hợp pháp, tuân thủ điều kiện pháp luật quy định. Cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, hiện tại đang sống ly thân. Tòa án tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, anh T1 tha thiết xin đoàn tụ nhưng chị T giữ nguyên quan điểm ly hôn và đề nghị Tòa án không hoà giải nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Võ Thanh T1.
2. Về con chung: Chưa có.
3. Về tài sản: Không xem xét.
4. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003251 ngày 28/11/2025.
5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn

vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 4 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Quỳnh Mai (nơi ĐKKH 2018);
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến